**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 11**

**Bài 1: NGHĨA CỦA CÂU**

**I. Thành phần nghĩa của câu:**

**1. Nghĩa sự việc:**

a. Khái niệm: Nghĩa sự việc của câu là thành phần nghĩa ứng với sự việc mà câu đề cập đến

- Nghĩa sự siệc còn gọi là nghĩa miêu tả, nghĩa mệnh đề

b.Phân loại:

- Câu biểu hiện hoạt động.

Vd: *Cô giáo chủ nhiệm phân công tổ 1 tuần sau trực vệ sinh lớp.*

- Câu biểu hiện trạng thái, tình cảm, đặc điểm

Vd: *Ríu rít trên cây cặp chim chuyền.*

- Câu biểu hiện quá trình

Vd: *Thuyền tôi trôi trên sông Đà*

- Câu biểu hiện tư thế

Vd: *Ghế trên ngồi tót sổ sàng*

- Câu biểu hiện sự tồn tại

Vd: *Cây cầu này được xây dựng cách đây hơn 100 năm.*

- Câu biểu hiện quan hệ

Vd: *Đầu lòng hai ả tố nga*

*Thuý Kiều là chị em là Thuý Vân.*

**\* Lưu ý**: Câu biểu hiện sự việc nhờ: chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ, khởi ngữ, thành phần phụ.

**2. Nghĩa tình thái:**

a. Khái niệm: là nghĩa thể hiện sự nhìn nhận, thái độ, sự đánh giá của người nói đối với sự việc hoặc đối với người nghe.

b. Nghĩa tình thái gồm nhiều khía cạnh, tập trung trong 2 trường hợp.

\* Sự nhìn nhận đánh giá và thái độ của người nói đối với sự việc được đề cập đến trong câu:

- Khẳng định tính chân thực của sự việc

Vd: *Thật sự Minh học giỏi nhất lớp không gì có thể chối cãi được.*

- Phỏng đoán sự việc với độ tin cậy cao hoặc với độ tin cậy thấp

- Đánh giá về mức độ hay số lượng đối với một phương diện nào đó của sự việc.

- Khẳng định tính tất yếu, sự cần thiết hay khả năng của sự việc

- Đánh giá sự việc có thực hay không có thực, đã xảy ra hay chưa xảy ra.

\* Tình cảm, thái độ của người nói đối với người nghe: thông qua từ ngữ xưng hô, từ cảm thán, từ tình thái ở cuối hoặc đầu câu.

- Thân mật, gần gũi: *Sao hôm nay chị dọn hàng muộn thế?*

- Thái độ bực tức, hách dịch: *Mày trói chồng bà đi, bà cho mày xem.*

- Thái độ kính cẩn: *Thưa bác bố mẹ cháu không có nhà ạ!*

**BÀI 2: THAO TÁC LẬP LUẬN BÁC BỎ**

**I. Mục đích yêu cầu của thao tác lập luận bác bỏ**

**1. Khái niệm:**

- Bác bỏ: là bác đi, gạt đi, không chấp nhận.

- Thao tác lập luận bác bỏ là dùng lí lẽ, chứng cứ để gạt bỏ những quan điểm, ý kiến sai lệnh, thiếu chính xác,… từ đó nêu ý kiến của mình để thuyết phục người nghe, người đọc.

**2. Mục đích:**

- Bác bỏ những quan điểm, ý kiến không đúng.

- Bày tỏ, bênh vực những quan điểm, ý kiến đúng.

→ Lí luận thêm sâu sắc, giàu tính thuyết phục.

**3. Yêu cầu:**

- Nắm chắc sai lầm của quan điểm, ý kiến cần bác bỏ.

- Đưa ra lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.

- Thái độ: thẳng thắn, cẩn trọng, chừng mực, phù hợp hoàn cảnh, đối tượng tranh luận.

**II. Cách bác bỏ:**

**1. Phân tích ngữ liệu( xem lại nôi dung bài học)**

**2. Cách bác bỏ:**

- Có thể bác bỏ một luận điểm, luận cứ, cách lập luận

+ Nêu tác hại, chỉ ra nguyên nhân.

+ Phân tích từng khía cạnh sai lệch, thiếu chính xác của luận điểm, luận cứ, cách lập luận.

- Diễn đạt rành mạch, sáng sủa, uyển chuyển để người có quan điểm, ý kiến sai và người tiếp nhận dễ chấp nhận, tin theo.

- Cần có thái độ khách quan, đúng mự khi bác bỏ.

**BÀI 3: THAO TÁC LẬP LUẬN BÌNH LUẬN**

**I. Mục đích yêu cầu của thao tác lập luận bình luận: .**

**1. Khái niệm:** Bình luận là bàn bạc, đánh giá về sự đúng sai, thật giả, hay dở, lợi hại, của các hiện tượng trong đời sống (ý kiến, chủ trương, sự việc, con người, tác phẩm văn học)

**2. Mục đích:** Đề xuất, thuyết phục người nghe, người đọc tán đồng với nhận xét đánh giá, bàn luận của mình về một hiện tượng, vấn đề trong đời sống hoặc trong văn học.

**3. Yêu cầu:**

- Trình bày rõ ràng, trung thực hiện tượng được bình luận

- Đề xuất và chứng tỏ ý kiến, nhận định, đánh giá của mình là xác đáng.

- Lời bàn sâu rộng về chủ đề

- Quan điểm: rõ ràng; lập luận: chặt chẽ, bố cục: mạch lạc; lời bình luận: chính xác, trong sáng.

**II. Cách bình luận.**

- Bước thứ nhất: Nêu đối tượng (vấn đề) cần bình luận

- Bước thứ 2: Đánh giá hiện tượng (vấn đề) cần bình luận

- Bước thứ 3: Bàn về hiện tượng (vấn đề) cần bình luận

**BÀI 4: ĐÂY THÔN VĨ DẠ ( HÀN MẶC TỬ)**

I**.Giới thiệu**

**1. Tác giả**

- Hàn Mặc Tử là một trong những nhà thơ có sức sáng tạo mạnh mẽ nhất trong phong trào thơ mới.

- Thơ Hàn Mặc Tử thể hiện một tình yêu đến đau đớn hướng về cuộc đời trần thế.

**2. Tác phẩm**

- Xuất xứ: Đây thôn Vĩ Dạ sáng tác 1938, in trong tập Thơ Điên ( về sau đổi thành Đau thương).

- Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được gợi nguồn cảm hứng từ mối tình đơn phương của Hàn Mặc Tử với người con gái ở vùng Vĩ Dạ.

**3. Bố cục**

- Khổ 1: Cảnh ban mai thôn Vĩ và tình người tha thiết.

- Khổ 2: Cảnh đêm trăng xứ Huế và niềm đau cô lẻ, chia lìa.

- Khổ 3: Cảnh trong mơ và nỗi khắc khoải, hoài nghi.

**II. Đọc – hiểu**

**1.Khổ 1: Cảnh ban mai thôn Vĩ và tình người tha thiết**

- Câu hỏi tu từ “ Sao anh….thôn Vĩ” mang nhiều sắc thái ý nghĩa: lời mời mọc, lời trách móc nhẹ nhàng .

- “ Nhìn nắng..mới lên”: điệp từ nắng, gợi tả hình ảnh hàng cau vươn mình đón nắng, đó là cái nắng tinh khôi, trong trẻo..

- Vườn ai…xanh như ngọc: Câu thơ sử dụng phép so ánh, đại từ phiếm chỉ, tính từ chỉ mức độ -> diễn tả vẻ đẹp mượt mà, tươi tốt, đầy sức sống của khu vườn.

- “Lá trúc…cữ điền”: Câu thơ sử dụng nghệ thuật cách điệu hóa -> diễn tả vẻ đẹp phúc hậu, đầy đặn, kín đáo của gười thôn Vĩ nói riêng và người Huế nói chung.

=> Bức tranh Vĩ Dạ lúc bình minh: Cảnh tràn đầ sức sống, con người phúc hậu, quyến rũ, tâm trạng vui tươi đầy hi vọng của Hàn mặc Tử.

**2. Khổ 2: Cảnh đêm trăng xứ Huế và niềm đau cô lẻ, chia lìa.**

- Cảnh êm đềm thơ mộng: gió mây nhè nhẹ bay đi, dòng cảy lửng lờ, cây cỏ khẽ đung đưa.

- Hình ảnh: Gió lối gió, mây đường mây biểu hiện của sự chia cách.

- Nhân hóa: dòng nước buồn thiu.

- Bến sông trăng -> hình ảnh lạ, gợi lên vẻ đẹp lãng mạn, nhẹ nhàng, vừa thực vừa ảo.

- Câu hỏi “ Có chở..” giọng thơ đầy khắc khoải, sáng lên hi vọng gặp gỡ nhưng lại thành ra mông lung, xa vời.

=> Cảnh thơ mộng trữ tình nhưng thấm đượm nỗi buồn, nỗi lo âu khắc khoải và niềm khát khao giao cảm với đời của nhà thơ.

**3. Khổ 3: Cảnh trong mơ và nỗi khắc khoải, hoài nghi**

- Điệp ngữ: “ Mơ khách đường xa” -> nhấn mạnh sự xa xôi, niềm mong ước.

- “ Ở đây” : Ở Hàn Mặc Tử hoặc ở Vĩ Dạ. Dù ở đâu thì tất cả đã nhạt nhòa..

- Câu hỏi “ Ai biết… đậm đà” -> Không biết tình cảm của người đời dành cho mình có đậm đà hay không. Liệu người đời có biết tình cảm của mình có đậm đà hay không. -> khắc khoải hoài nghi nhưng vẫn thiết tha, yêu đời, yêu người.

**III.Tổng kết**

**1.Nội dung**

- Bài thơ là bức tranh đẹp về một miền quê đất nước; là tiếng lòng của một thi sĩ tài hoa mệnh bạc: buồn sầu, cô đơn nhưng vẫn thiết tha yêu người, yêu đời.

**2. Nghệ thuật**

Những hình ảnh biểu hiện nội tâm, bút pháp gợi tả, ngôn ngữ tinh tế, giàu liên tưởng….

**BÀI 5: TỪ ẤY ( TỐ HỮU)**

**I. Giới thiệu**

**1. Tác giả**

**–** Giới thiệu về tác giả Tố Hữu và phong cách thơ của ông:

+ Là một trong những nhà thơ tiêu biểu của thơ ca cách mạng, chặng đường thơ gắn liền với chặng đường cách mạng của dân tộc.

+ Thơ ông mang đậm tính trữ tình – chính trị, là tiếng lòng của những lẽ sống lớn, tình cảm lớn và luôn đậm tính dân tộc.

**2. Tác phẩm**

**\* Xuất xứ:**

- Rút ra từ tập thơ cùng tên, tiêu biểu cho hồn thơ Tố Hữu

🡪 Tập thơ gồm 3 phần: *Máu lửa, Xiềng xích, Giải phóng*

🡪Thể hiện tiếng hát hân hoan nồng nhiệt của một thanh niên trí thức khát khao lẽ sống, say mê lí tưởng, hăng hái đấu tranh cách mạng.

**\* Hoàn cảnh sáng tác**

- Sáng tác khi Tố Hữu gặp lí tưởng của Đảng cộng sản.

- Nằm trong phần ***Máu lửa***, thuộc tập thơ ***Từ ấy.***

- Đây là bài thơ đề từ của tập thơ, định hướng cuộc đời và con đường thơ ca của Tố Hữu

→ Tuyên ngôn nghệ thuật và lẽ sống của nhà thơ.

\* **Bố cục**: 3 phần.

- Khổ 1: Niềm vui sướng, say mê khi giác ngộ lý tưởng CS.

- Khổ 2: Nhận thức về lẽ sống, về mối quan hệ với cuộc sống.

- Khổ 3: Sự chuyển biến sâu sắc trong tình cảm tác giả.

**II. Đọc - hiểu**

**1. Niềm vui sướng khi gặp lí tưởng cách mạng**

- *Từ ấy*: điểm nhìn từ hiện tại về quá khứ, mốc thời gian có ý nghĩa quan trọng, là bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng và sáng tạo nghệ thuật - thời điểm nhà thơ giác ngộ lí tưởng của Đảng.

- *Nắng hạ*: ánh sáng rực rỡ

- *Mặt trời chân lí*: lí tưởng đúng đắn, hợp lẽ phải -> Một sự liên kết sáng tạo giữa hình ảnh và ngữ nghĩa.

-> Hình ảnh ẩn dụ - biểu tượng: Khẳng định lí tưởng cách mạng như một nguồn sáng mới làm bừng sáng tâm hồn nhà thơ.

- Động từ *“bừng*” (ánh sáng phát ra đột ngột) và “*chói*” (ánh sáng có sức xuyên mạnh)

-> nhấn mạnh vai trò của ánh sáng lí tưởng, lí tưởng CS đã mở ra trong tâm hồn nhà thơ sự nhận thức, tư tưởng, tình cảm mới.

- *Hồn tôi = vườn hoa lá: đậm hương, rộn tiếng chim* -> Tâm hồn trở thành khu vườn tràn ngập sức sống, màu sắc, âm thanh, con người tràn ngập niềm vui sống, lẽ yêu đời.

-> Hình ảnh so sánh, bút pháp lãng mạn -> thể hiện niềm vui sướng, say mê vô hạn của tác giả khi được giác ngộ lý tưởng CS, được đứng vào hàng ngũ những người CS. Lý tưởng CS tiếp thêm sức sống cho con người, làm cho con người thêm yêu đời, yêu cuộc sống

→ Lí tưởng cách mạng khơi dậy sức sống mới, đem lại cảm hứng sáng tạo cho hồn thơ Tố Hữu.

**2. Nhận thức mới về lẽ sống**

*Tôi buộc...*

- Động từ *buộc*: ngoa dụ → ý thức tự nguyện sâu sắc, quyết tâm cao độ của Tố Hữu muốn vượt qua giới hạn của cái tôi cá nhân để sống chan hòa với mọi người.

- *Để tình trang trải* → tâm hồn trải rộng với cuộc đời, đồng cảm sâu sắc với hoàn cảnh từng con người cụ thể.

- *Hồn tôi – bao hồn khổ...khối đời*: Trong quan niệm tình yêu thương ta thấy tình yêu thương con người của tác giả không chung chung mà cụ thể rõ ràng. Đó là tình yêu thương giai cấp, yêu thương quần chúng lao khổ: Hồn tôi gần gũi với bao hồn khổ, gần gũi mặn nồng với khối đời.

+ Ẩn dụ: *khối đời*: khối người cùng chung cảnh ngộ

-> Tác giả tìm thấy niềm vui, sức mạnh giữa cuộc đời và môi trường rộng lớn của quần chúng lao khổ, qua đó TH khẳng định mối quan hệ sâu sắc giữa văn học và cuộc sống, giữa cái tôi với cái ta.

=> Quan niệm mới về lẽ sống là sự gắn bó hài hòa giữa cái tôi cá nhân và cái ta chung với mọi người → Quan niệm về lẽ sống mới mẻ, tiến bộ.

3. Sự chuyển biến trong tình cảm

*“Tôi đã là .../Là con của .../Là anh .../Là em...”*

- Điệp từ: *là* : Lời khẳng định dứt khoát

- *Con, anh, em* : Chỉ tình cảm gắn bó máu thịt như anh em một nhà.

- Điệp từ “*vạn*” là số từ ước lệ - chỉ số đông quần chúng

- *Kiếp phôi pha, em nhỏ cù bất cù bơ*: Chỉ quần chúng cần lao, bất hạnh khổ đau, không nơi nương tựa rất đáng thương.

→ Tác giả vốn là thanh niên tiểu tư sản với tình cảm ích kỉ nhờ giác ngộ lý tưởng cộng sản đã giúp cho tác giả vượt qua tình cảm hẹp hòi trước đó để có được tình yêu bao la của giai cấp cần lao → Cảm nhận mình là thành viên của đại gia đình quần chúng lao khổ.

- Tác giả bộc lộ lòng căm giận cuộc đời cũ bất công ngang trái. Ghét và yêu thật rõ ràng, tác giả nguyện sẽ hoạt động cách mạng và sáng tạo nghệ thuật để phản ánh, bênh vực, đồng cảm, góp phần chở che nhưng con người đồng cảnh, đồng cảm.

Một sự chuyển biến tình cảm sâu sắc dứt khoát.

**III. Tổng kết**

1. Nội dung: *Từ ấy* thể hiện chân thành tình cảm của TH khi giác ngộ lý tưởng cộng sản, nhận thức mới về lẽ sống và sự chuyển biến về tình cảm đúng đắn của mình.

- *Từ ấy* là bài thơ được Tố Hữu vận dụng thành công thể thơ mới để chuyển tải nội dung cách mạng. Đây là bài thơ có nhiều đặc sắc trong việc dùng các biện pháp nghệ thuật tu từ, hình ảnh, ngôn ngữ, nhịp điệu...

=> *Từ ấy* là tuyên ngôn nghệ thuật cho tập thơ ***Từ ấy*** và cho cả sự nghiệp sáng tác thơ của Tố Hữu

2. Nghệ thuật

- Thể thơ thất ngôn: giọng điệu trang trọng.

- Ngôn ngữ giàu nhạc điệu, hình ảnh tươi sáng

- Cách ngắt nhịp linh hoạt

- Vần, phối âm có sức ngân vang.

**BÀI 6: CHIỀU TỐI ( HỒ CHÍ MINH)**

**I.Giới thiệu :**

**1.Tác giả :**

- Hồ Chí Minh không chỉ là một vị lãnh tụ vĩ đại mà còn là một danh nhân văn hóa của dân tộc.

- Hồ Chí Minh để lại cho nước nhà một sự nghiệp văn học đồ sộ

**2. Tác phẩm:**

**a.Hoàn cảnh sáng tác**

- Cảm hứng chủ đạo: Được gợi hứng trên đường Bác bị chuyển lao từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo vào cuối thu 1942=> Đây là thời gian cực khổ nhất của Người khi bị giam giữ trong nhà lao Tưởng Giới Thạch

- Là bài 31/ 134 bài của tập Nhật kí trong tù -> Bài thơ thể hiện tình yêu thiên nhiên và tấm lòng lớn lao của Hồ Chủ tịch

**b. Thể loại**: Thể thơ tứ tuyệt

**c. Bố cục**

- Hai cầu đầu: Bức tranh thiên nhiên

- Hai câu sau: Bức tranh đời sống con người.

**II. Đọc - hiểu văn bản**

**1.Hai câu đầu:** Bức tranh thiên nhiên

- Thời gian: chiều tối -> Thời điểm mọi vật tìm về tổ ấm

- Không gian: bao la tĩnh lặng

- Hình ảnh: Chim mỏi mệt, chòm mây cô lẻ

-> Con người và cảnh vật hài hoà với nhau, cùng chung tâm sự.

- Cảnh được phác họa bằng những nét chấm phá - Bút pháp quen thuộc trong thơ Đường, nhà thơ không nghiêng về tả mà chỉ gợi ra một vài nét, cốt ghi lấy cái hồn của tạo vật. Toàn bộ khung cảnh thiên nhiên miền sơn cước hiện ra một cách đơn sơ qua cánh chim chiều mệt mỏi bay về tổ ấm và và áng mây lẻ loi, lững lờ trôi giữa tầng không.

- Tả cảnh ngụ tình: Chim bay về tổ gợi niềm ước mong, sum họp. Chòm mây đơn độc trôi chậm gợi thân phận lênh đênh, trôi dạt nơi đất khách quê người.

- Thiên nhiên: chân thực, sinh động, bức tranh chiều tối đẹp nhưng buồn. Từ bức tranh thiên nhiên, ta thấy một cái nhìn trìu mến của Bác dõi theo từng biểu hiện của tạo vật. Đằng sau cái nhìn ấy cháy bỏng và khắc khoải một ước mong sum họp, một niềm khát khao tự do.

=> Hai câu thơ không có chân dung người tù khổ ải mà chỉ hiện ra dáng vẻ, phong độ của bậc *tao nhân mặc khách* đang ung dung, thư thái thưởng ngoạn cảnh chiều hôm nơi núi rừng .Qua đó, thể hiên rõ bản lĩnh kiên cường của người chiến sĩ, bởi vì nếu không có ý chí và nghị lực, phong thái ung dung, tự chủ và sự tự do hoàn toàn về tinh thần thì không thể có những câu thơ cảm nhận thiên nhiên thật sâu sắc và tinh tế như vậy trong hoàn cảnh khắc nghiệt của tù đày.

**2. Hai câu sau**: Bức tranh đời sống con người

- Cảnh chuyển bất ngờ:

+ Sự xuất hiện của “cô gái xay ngô” trẻ trung, khoẻ mạnh đầy sức sống, là điểm sáng của bức tranh, là trung tâm của cảnh vật.

+ “Ma bao túc”-“bao túc ma”: có sự nối âm liên hoàn, nhịp nhàng như diễn tả cái vòng quay không dứt của động tác xay - cô gái thật chăm chỉ, kiên nhẫn, cần mẫn với công việc.

- Hình ảnh “lô dĩ hồng”:

+ Từ “hồng” ở cuối bài được coi như nhãn tự của bài thơ. Không gian như thu nhỏ lại, trở nên ấm cúng, gần gũi, xác định sự vận động của thời gian.

+ Từ ngữ tả ít gợi nhiều: bếp lửa của cô gái đã hồng lên, đêm đã tối, nhưng không lạnh lẽo âm u mà bỗng bừng sáng ấm áp.

=> Bài thơ vận động từ bóng tối đến ánh sáng, từ nỗi buồn đến niềm vui. Qua đó cho thấy tâm hồn nhà cách mạng đã vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt để đồng cảm với niềm vui đời thường. Nó cho thấy cái nhìn tràn đầy niềm lạc quan, yêu đời và tình yêu thương con người của Bác.

**III. Kết luận**

1. Nội dung: Bài thơ cho thấy tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu con người, ý chí vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt của nhà chiến sĩ Cách mạng HCM .

2. Nghệ thuật: Tả cảnh vừa có nét cổ điển (bút pháp chấm phá, ước lệ với những thi liệu xưa) vừa có nét hiện đại (bút pháp tả thực sinh động với những hình ảnh dân dã đời thường) .

Bút pháp gợi nhiều hơn tả nên tính chất cô đọng, hàm súc cao.

Ngôn ngữ linh hoạt, sáng tạo. Biện pháp điệp vòng rất tài tình, khéo léo.

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | **% Tổng**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Số câu hỏi*** | ***Thời gian (phút)*** |
| 1 | Đọc hiểu | 15 | 10 | 10 | 5 | 5 | 5 | 0 | 0 | 04 | 20 | 30 |
| 2 | Viết đoạn nghị luận  xã hội | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 01 | 20 | 20 |
| 3 | Viết bài nghị luận văn học | 20 | 10 | 15 | 10 | 10 | 20 | 5 | 10 | 01 | 50 | 50 |
| **Tổng** | | **40** | **25** | **30** | **20** | **20** | **30** | **10** | **15** | **06** | **90** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | |  |  | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | **70** | | | | **30** | | | |  | | **100** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/**  **kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| 1 | ĐỌC HIỂU | Thơ hiện đại Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945/thơ nước ngoài (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa). | **Nhận biết:**  - Nhận diện được đề tài, phương thức biểu đạt, thể thơ, các biện pháp tu từ.  - Nhận diện được từ ngữ, chi tiết, hình ảnh.. trong bài thơ, đoạn thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được các thành phần nghĩa của câu; hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ.  **Vận dụng:**  - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ. Bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề được đặt ra trong bài thơ, đoạn thơ.  - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. | 2 | 1 | 1 | 0 | 4 |
| 2 | VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (khoảng 150 chữ) | Nghị luận về một tư tưởng đạo lí | **Nhận biết**:  - Xác định được tư tưởng, đạo lí cần bàn luận.  - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.  **Thông hiểu**:  - Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng, đạo lí.  **Vận dụng**:  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng, đạo lí.  **Vận dụng cao**:  - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.. |  |  |  |  | 1\* |
|  |  |
| 3 | VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC | Nghị luận về một bài thơ/đoạn thơ:  *- Đây thôn Vĩ Dạ* (Hàn Mặc Tử)  *- Chiều tối* (Hồ Chí Minh)  *- Từ ấy* (Tố Hữu)  *- Tôi yêu em*  (A.Puskin) | **Nhận biết**:  - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận.  - Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ.  - Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nh.vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ/đoạn thơ.  **Thông hiểu**:  - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề: tình cảm quê hương, tư tưởng yêu nước; tình yêu trong sáng cao thượng; quan niệm thẩm mĩ và nhân sinh mới mẻ…; sự kế thừa các thể thơ truyền thống và hiện đại hóa thơ ca về ngôn ngữ, thể loại, hình ảnh,...  - Lí giải được một số đặc điểm của thơ hiện đại từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.  **Vận dụng**:  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ.  - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí, đóng góp của tác giả.  **Vận dụng cao**:  - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. |  |  |  |  | 1\* |
| **Tổng** | | |  |  |  |  |  | **6** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40** | **30** | **20** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | 70 | | 30 | | **100** |

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP ĐÀ NẴNG**  ĐỀ MINH HỌA | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**  **Năm học 2020 - 2021**  **Môn: Ngữ văn, lớp 11**  *Thời gian làm bài*: *90 phút, không tính thời gian phát đề.* |

*Họ và tên học sinh:…………………………………... Mã số học sinh:…………………*

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

**Đọc bài thơ:**

**Nằm trong tiếng nói…**

*Nằm trong tiếng nói yêu thương  
Nằm trong tiếng Việt vấn vương một đời.*

*Sơ sinh lòng mẹ đưa nôi  
Hồn thiêng đất nước cũng ngồi bên con.  
 Tháng ngày con mẹ lớn khôn,  
Yêu thơ, thơ kể lại hồn ông cha,  
 Đời bao tâm sự thiết tha  
Nói trong tiếng nói lòng ta thuở giờ...*

*1942*

(Trích *Trời mỗi ngày lại sáng,* Huy Cận, NXB Văn học, 1958, tr.29)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1**. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

**Câu 2.** Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

*Nằm trong tiếng nói yêu thương  
Nằm trong tiếng Việt vấn vương một đời.*

**Câu 3.** Anh/Chị hiểu như thế nào về hai câu thơ sau ?

*Sơ sinh lòng mẹ đưa nôi*

*Hồn thiêng đất nước cũng ngồi bên con.*

**Câu 4**. Anh/Chị hãy rút ra thông điệp từ bài thơ trên.

**II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)**

**Câu 1 (*2,0 điểm*)**

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

***Câu 2 (5,0 điểm):***

Phân tích đoạn thơ sau:

*..Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua,*

*Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,*

*Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.*

*Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật,*

*Không cho dài thời trẻ của nhân gian,*

*Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,*

*Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại!*

*Còn trời đất, nhưng chẳng còn tôi mãi,*

*Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời;*

*Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi,*

*Khắp sông núi vẫn than thầm tiễn biệ*

*(Trích “ Vội vàng” - Xuân Diệu*, *Ngữ văn 11*, Tập hai)

**-------------HẾT ----------**

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP ĐÀ NẴNG**  ĐỀ MINH HỌA | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2020 - 2021**  **ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**  **Môn: Ngữ văn, Lớp: 11**  *(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm …. trang)* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **3,0** |
|  | **1** | Thể thơ: Lục bát  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Học sinh trả lời đúng như Đáp án: 0,75 điểm.*  *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời không đúng thể thơ: không cho điểm* | 0,75 |
| **2** | Biện pháp tu từ : Điệp ngữ “Nằm trong”  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Học sinh trả lời đúng như Đáp án: 0,75 điểm.*  *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời không đúng biện pháp tu từ: không cho điểm: 0 điểm* | 0,75 |
| **3** | **Nội dung 2 câu thơ:**  - Tiếng Việt gắn liền với dân tộc và con người Việt Nam  - Tiếng Việt đã có từ rất lâu đời, là tiếng mẹ đẻ thiêng liêng đến với ta từ thuở ấu thơ trong từng lời mẹ hát, mẹ ru.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm.*  *- Học sinh trả lời 01 trong 02 ý của đáp án: 0,5 điểm*  *- Trả lời được một phần của ý 1 hoặc ý 2 trong đáp án : 0,25 điểm.*  *Lưu ý: Học sinh trả lời các ý trong đáp án bằng cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.* | 1,0 |
| **4** | **Thông điệp tác giả muốn nói đến**: Tầm quan trọng của tiếng Việt đối với người Việt Nam ta. Tiếng Việt là linh hồn của dân tộc Việt, sinh ra và tồn tại vì dân tộc vì thế cần giữ gìn và phát huy nét đẹp của tiếng Việt. Người dân Việt phải giữ tiếng nói của dân tộc mình. Đừng đánh mất và đừng để đồng hóa bởi những ngôn ngữ khác.  ***Hướng dẫn chấm***:  *-**Học sinh rút ra được thông điệp, trình bày thuyết phục: 0,5 điểm.*  *- Học sinh có rút ra thông điệp nhưng chưa đủ thuyết phục: 0,25*  *- Học sinh không rút ra được thông điệp: Không cho điểm* | 0,5 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **7,0** |
|  | **1** | Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của Anh/Chị về ý nghĩa của việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. | ***2,0*** |
| *a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn*  Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Ý nghĩa của việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. | 0,25 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận*  Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ *ý nghĩa của việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*. Có thể theo hướng sau:  Việc giao tiếp theo đúng chuẩn mực tốt đẹp là điều rất cần thiết để được tôn trọng và đạt hiệu quả trong giao tiếp.  Tiếng Việt ta là linh hồn của dân tộc ta. Vì thế, giữ gìn sự trong sáng của tiêng Việt chính là giữ gìn bản sắc tốt đẹp của văn hóa và bảo vệ đất nước.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm).*  *- Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm).*  *- Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).*  ***Lưu ý:*** *Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.* | 0,75 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt  ***Hướng dẫn chấm****: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm:*** *huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân khi bàn luận; có cái nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề; có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.*  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng dược 1 yêu cầu: 0,25 điểm.* | 0,5 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **2** | **Phân tích đoạn thơ *Vội vàng* của Xuân Diệu.** | ***5,0*** | |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 | |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Phân tích đoạn thơ “ Xuân đương tới…tiễn biệt” trong bài *Vội vàng* của Xuân Diệu. | 0,5 | |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  | |
| \* Giới thiệu khái quát về tác giả Xuân Diệu, bài thơ *Vội Vàng* và đoạn trích.  ***Hướng dẫn chấm****: Phần giới thiệu tác giả: 0,25 điểm; giới thiệu tác phẩm, đoạn trích: 0,25 điểm.* | 0,5 | |
| \* Phân tích đoạn thơ  - Đoạn thơ thể hiện quan niệm về thời gian, mùa xuân và tuổi trẻ của nhà thơ Xuân Diệu  **-** Mùa xuân của tuổi trẻ đẹp đẽ vô ngần. Và chỉ có tuổi trẻ mới tận hưởng hết vẻ đẹp rực rỡ, tràn đầy của mùa xuân. Nhưng mùa xuân và tuổi trẻ thì ngắn ngủi. Do đó tác giả đã có những dự cảm lo lắng về thời gian trôi nhanh: Xuân tới, xuân qua, xuân non, xuân già.  - Quy luật nghiệt ngã của tạo hóa: Xuân của đất trời tuần hoàn, vô hạn; xuân của đời người hữu hạn. Quan niệm về thời gian mang tính tuyến tính. Mỗi khắc trôi qua mang theo nhiều giá trị của cuộc sống.  - Tâm trạng lo lắng, bất lực, mong muốn khát khao níu kéo, tận hưởng mùa xuân, thời gian, tuổi trẻ  - Thiên nhiên được nhìn từ cảm thức thời gian: chia phôi, tiễn biệt,…  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm - 2,5 điểm.*  *- Phân tích đầy đủ nhưng có ý chưa sâu hoặc phân tích sâu nhưng chưa thật đầy đủ: 1,0 điểm - 1,75 điểm.*  *- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,25 điểm - 0,75 điểm.* | 2,5 | |
| \* Đánh giá:  - Đoạn thơ sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật: đối, nhân hóa, điệp,… sự trau chuốt về ngôn từ, sự tinh tế trong cảm xúc và biểu hiện.  - Quan niệm nhân sinh tiến bộ về thời gian, mùa xuân và tuổi trẻ; ham sống và yêu đời, sống hết mình, sống trong tình yêu – đó là những ý tưởng rất đẹp, vẻ đẹp của một hồn thơ lãng mạn.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.*  *- Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.* | 0,5 | |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 | |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm****: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác, với thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.*  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm*. | 0,5 | |
| **Tổng điểm** | | | | **10,0** |

..........................Hết............................